

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2025
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Tuấn Kiệt
- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn Q**, sinh ngày 22/6/1981

Địa chỉ: Số H, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

Bị đơn: Bà **Lâm Thị Thanh T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số A, khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

(Ông Q và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày: Năm 2003, ông Trần Văn Q và bà Lâm Thị Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà

Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2003. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã không còn chung sống khoảng 04 năm nay, bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay nhận thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông Q xin ly hôn bà T.

Ông Q và bà T có 02 con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 03/10/2006 và Trần Gia N1, sinh ngày 31/10/2017, cháu N đã đủ tuổi trưởng thành khoẻ mạnh phát triển bình thường nên ông Q không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu N1 từ trước đến nay sống với bà T, ông Q thường xuyên tới lui chăm sóc, đưa rước cháu đi học, cuộc sống của cháu đang ổn định nên ông Q đồng ý tiếp tục giao cháu N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông Q và bà T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng. Ông Q không yêu cầu giải quyết tài sản chung, về nợ chung không có nên không yêu cầu quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn Q, cho ông Q ly hôn với bà Lâm Thị Thanh T. Về con chung: Con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 03/10/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, khoẻ mạnh phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết; giao con chung tên Trần Gia N1, sinh ngày 31/10/2017 cho bà Lâm Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con” giữa nguyên đơn là ông Trần Văn Q và bị đơn bà Lâm Thị Thanh T, bị đơn bà T đang cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng đối với bị đơn bà Lâm Thị Thanh T, bà T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đối với nguyên đơn ông Trần Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q và bà T theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 2003, bà Ông Trần Văn Q và bà Lâm Thị Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2003 nên hôn nhân của ông Q và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống, ông Q xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên T về nhà mẹ ruột sống khoảng 04 năm nay. Sự việc bà T về nhà mẹ ruột sống, được bà Phạm Thị S (mẹ ruột bà T) cung cấp thông tin, xác nhận bà T và cháu Nguyên sinh S1 tại nhà bà S từ khi cháu N1 còn nhỏ, tại địa chỉ: Số A, khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau), bà S giao các văn bản tố tụng của Tòa án về việc ông Q xin ly hôn cho bà T, bà T biết thông tin nhưng không có ý kiến gì. Như vậy, sự việc vợ chồng ông Q và bà T xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của ông Q cũng như tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ông Q ly hôn bà T là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Q và bà T có 02 con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 03/10/2006 và Trần Gia N1, sinh ngày 31/10/2017, ông Q có cung cấp giấy khai sinh của các con, Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Trần Gia N hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường nên không xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Trần Gia N1, hiện đang sống với bà T, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà T) và ông Q cũng đồng ý giao cháu N1 cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung được ổn định cần giao cháu N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông Q được thăm nom con chung theo Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Q xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà T về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Trần Văn Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn Q đối với bà Lâm Thị Thanh T. Cho ông Trần Văn Q được ly hôn bà Lâm Thị Thanh T.

2. Về con chung: Ông Trần Văn Q và bà Lâm Thị Thanh T có 02 con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 03/10/2006 và Trần Gia N1, sinh ngày 31/10/2017. Con chung tên Trần Gia N đã đủ tuổi trưởng thành, nên không xem xét, giải quyết; giao con chung tên Trần Gia N1, sinh ngày 31/10/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn Q và bà Lâm Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trần Văn Q và bà Lâm Thị Thanh T không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000265 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau), nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV6, tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt